

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 580 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v Vụ án ly hôn – Mâu thuẫn
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vân Hương.

Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Phan Thị Dòn

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 378/2025/HNST ngày 12/05/2025 về việc “-Vụ án ly hôn – Mâu thuẫn gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:416/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn T**, sinh ngày 08/02/2003

Căn cước công dân số A cấp ngày 10/02/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Ấp A, B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Ấp A, B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lê M**, sinh ngày 11/07/1997.

Căn cước công dân số B cấp ngày 15/01/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê M vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2025 của Nguyên đơn bà Nguyễn T:

Sau thời gian tìm hiểu thì tôi và anh Lê M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã T, Huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106 vào ngày 22/10/2022.

Trong thời gian chung sống thì tôi và anh Th có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày: 13/02/2023, giới tính: Nam.

Thời gian đầu tôi và anh Th chung sống với nhau hạnh phúc. Trong quá trình chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn tới nay không giải quyết được dẫn đến việc không có tiếng nói chung trong cuộc sống và không còn tình cảm với nhau hiện tại hôn nhân của chúng tôi đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Tôi và anh Th đã ly thân từ Tháng 10 năm 2024 đến nay, trong thời gian sống ly thân thì anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Nguyễn Bảo H.

Nhận thấy mối quan hệ giữa tôi và anh Th có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân Khu Vực 10 giải quyết như sau:

1. Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê M.

2. Về con chung: Yêu cầu Toà giải quyết giao cháu Lê Nguyễn Bảo H cho chồng là Lê M trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận. Mỗi tháng tôi sẽ cho cấp 1.000.000 đồng cho con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chúng tôi không nợ ai và không ai nợ chúng tôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Lê M không có bản tự khai và vắng mặt không rõ lý do trong các phiên hoà giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 5, Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217 BLTTDS năm 2015; Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thụ, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T đối với ông Lê M.

Về con chung: giao trẻ Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày: 13/02/2023, giới tính: Nam cho ông Lê M nuôi dưỡng, bà Ng cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn T nộp đơn xin ly hôn đối với ông Lê M, ông Lê M có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh (nay là xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Do nguyên đơn bà Nguyễn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106 do Ủy ban nhân dân Xã T, Huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2022 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn T với ông Lê M là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Theo trình bày của bà Ng thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là mục đích hôn nhân không đạt được, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Vì vậy, bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, theo sự xác nhận của bà Ng thì giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Ng và ông Th đã không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà Ng yêu cầu ly hôn đối với ông Th là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: có 01 con chung là trẻ Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày: 13/02/2023, giới tính: Nam.

Hiện nay trẻ Bảo H đang sống với ông Th. Bà Ng đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Bảo H cho chồng là Lê M trực tiếp nuôi dưỡng, bà Ng sẽ cho cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng (Một triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 hằng tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2025.

Bà Nguyễn T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung: Bà Ng xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Bà Ng xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn T và ông Lê M.

Bà Nguyễn T được ly hôn với ông Lê M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106 do Ủy ban nhân dân Xã T, Huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2022 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn T và ông Lê M có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày: 13/02/2023, giới tính: Nam.

Ông Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày: 13/02/2023, giới tính: Nam, đến trưởng thành

Bà Ng sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 hằng tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2025

Bà Nguyễn T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn T chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0052442 ngày 09/05/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ng đã bổ sung 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS KV10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



Đặng Thị Vân Hương